

Bản án số: **21/2021/HNGĐ-ST**
Ngày: 10-5-2021
V/v Tranh chấp về thay đổi người trực
tiếp nuôi con sau khi ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Đồi
2. Bà Quách Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Nguyễn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2021 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2021 về tranh chấp “Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22-4-2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Nhớ E**, sinh năm 1988 (có mặt)
2. Bị đơn: Chị **Phạm Thị T**, sinh năm 1989 (vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Cạnh Đ1, xã P, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà **Võ Thị M**, sinh năm 1966 (vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

3.2. Ông **Phạm Văn Đ**, sinh năm 1964 (có mặt)

Địa chỉ: ấp L2, xã LA, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện xin thay đổi người trực tiếp nuôi con đề ngày 01/12/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh **Nguyễn Nhớ E** trình bày:*

Anh và Phạm Thị T trước đây là vợ chồng nhưng hai bên đã thuận tình ly hôn nhau năm 2019, về con đã thỏa thuận giao con chung Nguyễn Vũ D, sinh ngày 27/5/2013 cho chị T trực tiếp nuôi sau khi vợ chồng ly hôn và anh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 500.000 đồng, cấp vào ngày 19 hàng tháng, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 3 năm 2019 đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh đã thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng của mình đúng theo thỏa thuận của hai bên cho đến nay.

Lý do anh yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con là do người nhận tiền cấp dưỡng không phải là chị T mà là ông Phạm Văn Đ và anh có đón con về nhà của mình chơi nhưng chị T không cho con ngủ lại cùng anh.

Nay làm đơn này yêu cầu được thay đổi quyền nuôi con, cụ thể yêu cầu Phạm Thị T giao con tên Nguyễn Vũ D, sinh ngày 27/5/2013 cho anh trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện con đang sống với ông Phạm Văn Đ, bà Võ Thị M.

Hiện nay anh đang làm nghề nuôi tôm, diện tích đất 04 công tầm 03 mét toạ lạc ấp Đ1, xã P, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang. Đất do cha mẹ cho cách nay hơn 10 năm. Thu nhập từ nuôi tôm từ 04 đến 05 tháng mới thu hoạch một lần, mỗi lần thu hoạch chỉ được khoảng 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng, ngoài ra thỉnh thoảng có người thuê thì anh làm công mỗi ngày được 200.000 đồng, ngoài ra anh không làm thêm nghề gì khác để có thu nhập.

Anh xác định và thừa nhận anh và Phạm Thị T có lập tờ thỏa thuận đề ngày 28/02/2019 về việc phân chia tài sản đối với 04 công đất anh nêu trên và anh có ký tên vào tờ thỏa thuận, anh đã trả tiền thuê đất cho T được một năm bằng 4.000.000 đồng vào năm 2020, từ đó đến nay không trả thêm được đồng nào.

Trường hợp chị T không yêu cầu anh tiếp tục cấp dưỡng nuôi con nữa thì anh sẽ rút lại đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

** Tại bản tự khai ngày 17/02/2021 và biên bản hòa giải ngày 22/4/2021 bị đơn chị **Phạm Thị T** trình bày:*

Về thời gian chị và anh Nhớ E ly hôn nhau và được Tòa án giải quyết về con là đúng như anh Nhớ E trình bày trên.

Sau khi chị và anh Nhớ E ly hôn thì chị có nhận tiền cấp dưỡng nuôi con trực tiếp từ anh Nhớ E 02 lần, nhận chỉ 02 lần là do anh Nhớ E cấp dưỡng không đúng theo thời gian thỏa thuận giữa hai bên là cấp dưỡng hàng tháng. Sau đó chị có làm giấy ủy quyền lại cho cha là ông Phạm Văn Đ nhận tiền cấp dưỡng hàng tháng.

Về phần đất theo anh Nhớ E trình bày như trên là chưa đúng, cụ thể phần đất 04 công theo anh Nhớ E trình bày trên là của vợ chồng và hai bên tự thỏa thuận chia mỗi người hai công, chị cho anh Nhớ E thuê lại mỗi năm 4.000.000 đồng, giao tiền vào ngày 01 tháng 3 hàng năm, thuê từ ngày 28/02/2019 nhưng trả tiền thuê bắt đầu là ngày 01/3/2020 (có lập tờ thỏa thuận ngày 28/02/2019).

Từ khi thuê đến nay anh Nhớ E mới chỉ trả tiền thuê đất được một lần bằng 4.000.000 đồng, từ ngày 01/3/2021 đến nay vẫn chưa trả.

Để lo cho cuộc sống của con được đầy đủ nên chị đi làm công nhân cho Công ty Mê Kông, thu nhập ổn định mỗi tháng hơn 8.000.000 đồng; con có gởi cho ông bà ngoại là ông Phạm Văn Đ, bà Võ Thị M nuôi và trực tiếp đưa rước đi học hàng ngày, mỗi tháng chị gởi tiền về để lo cho con 2.000.000 đồng, số tiền còn lại chị tích lũy dần để lo cho cuộc sống của con sau này.

Nay theo yêu cầu của anh Nhớ E nêu trên chị không đồng ý, vì hiện tại chị vẫn lo cho con phát triển bình thường như bao đứa trẻ khác và hiện con đang theo học lớp 2/3, tại trường tiểu học Vĩnh Phong 1 (điểm Cạnh Đèn 1).

** Tại biên bản hòa giải ngày 22/4/2021 và trong quá trình xét xử, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Phạm Văn Đ** trình bày:* Ông và vợ là Võ Thị M có trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Vũ D, sinh ngày 27/5/2013, hàng ngày việc đưa đón Vũ D đi học là do bà M trực tiếp đưa đón.

Hàng tháng T có đưa tiền để vợ chồng ông lo cho Vũ D ăn học, hiện Vũ D vẫn phát triển bình thường và theo học lớp 2/3, tại trường tiểu học Vĩnh Phong 1 (điểm Cạnh Đèn 1).

Nay theo yêu cầu của Nguyễn Nhớ E và ý kiến của Phạm Thị T nêu trên ông không ý kiến, yêu cầu gì.

*** Tại phiên tòa:**

- Nguyên đơn anh Nguyễn Nhớ E vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày và yêu cầu như trên.

- Bị đơn chị Phạm Thị T vắng mặt lần thứ nhất, nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn Đ vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày, không bổ sung gì.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị M vắng mặt lần thứ nhất, nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Nhớ E về việc yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi hòa giải không thành, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục xét xử cho các đương sự. Tại phiên tòa, vắng mặt bị đơn chị Phạm Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị M, nhưng chị T và bà M đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đồng thời tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Nhớ E không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Phạm Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị M theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và về thẩm quyền: Nguyên đơn anh Nguyễn Nhớ E khởi kiện yêu cầu thay đổi người nuôi con Nguyễn Vũ D, sinh ngày 27/5/2013 đối với chị Phạm Thị T. Do đó, quan hệ pháp luật trong trường hợp này được xác định là *tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn* và bị đơn chị Phạm Thị T có nơi cư trú tại ấp Cạnh Đ1, xã P, huyện Vĩnh Thuận nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận theo quy định tại khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về nội dung: Anh Nguyễn Nhớ E và chị Phạm Thị T là vợ chồng như đã thống nhất thuận tình ly hôn nhau theo Quyết định công nhận thuận tình ly

hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 14/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

Trong phần nội dung của quyết định, giữa anh Nguyễn Nhớ E và chị Phạm Thị T đã thống nhất thỏa thuận về con chung: anh Nguyễn Nhớ E và chị Phạm Thị T có 01 người con chung tên Nguyễn Vũ D, giới tính nam, sinh ngày 27/5/2013 (hiện đang sống với chị T, cuộc sống vẫn đảm bảo) Giao cháu Nguyễn Vũ D, sinh ngày 27/5/2013 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nhớ E cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 500.000 đồng, cấp vào ngày 19 hàng tháng, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 3 năm 2019 đến khi cháu Duy tròn 18 tuổi. Anh Nhớ E có quyền tới lui, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Sau khi ly hôn, chị T trực tiếp nuôi con được vài tháng và có trực tiếp nhận tiền cấp dưỡng từ anh Nhớ E được 02 lần. Tuy nhiên, do hoàn cảnh kinh tế gia đình quá khó khăn nên chị T phải gửi con cho ông bà ngoại là ông Phạm Văn Đ, bà Võ Thị M để chị đi làm thuê kiếm tiền, hàng tháng đều đặn gửi số tiền 2.000.000 đồng về nuôi con, thỉnh thoảng chị có về thăm con (bút lục số 52) và hiện bản thân chị đã có thu nhập ổn định mỗi tháng hơn 8.000.000 đồng từ việc làm công nhân cho Công ty TNHH nội thất Mê Kông (Bút lục số 34 đến 45).

Qua kết quả xác minh, thu thập chứng cứ xác định được hiện tại cháu Nguyễn Vũ D, sinh ngày 27/5/2013 đang học lớp 2/3 tại trường tiểu học Vĩnh Phong 1 (điểm Cạnh Đ1), cháu vẫn phát triển bình thường như bao đứa trẻ khác.

Xét yêu cầu của anh Nhớ E: Lý do anh Nhớ E yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con là do người nhận tiền cấp dưỡng trực tiếp hàng tháng không phải là chị T mà là ông ngoại cháu Duy (ông Phạm Văn Đ) nhận và chị T không đồng ý cho cháu D ngủ lại cùng anh khi anh đón con về nhà mình chơi. Tuy nhiên, tiền anh Nhớ E cấp dưỡng hàng tháng thì chị T có làm giấy ủy quyền lại cho ông Phạm Văn Đ (việc này cũng phù hợp theo quy định thì M được Chi cục thi hành án dân sự cho nhận thay); còn việc chị T không cho con ngủ lại cùng anh thì không được chị T thừa nhận và bản thân anh Nhớ E cũng không có chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ. Hơn nữa, trong trường hợp này nếu như chị T không cho con ngủ lại cùng anh thì cũng phù hợp với quy định của pháp luật, bởi theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở...”*. Ngoài những lý do anh Nhớ E yêu cầu được thay đổi người trực tiếp nuôi con nêu trên thì theo ý kiến của anh Nhớ E nêu ra tại biên bản hòa giải ngày 22/4/2021 thể hiện: *anh sẽ rút lại đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi chị T không yêu cầu*

anh tiếp tục cấp dưỡng nuôi con nữa. HĐXX xét thấy, đây là lý do chính để anh Nhớ E yêu thay đổi người trực tiếp nuôi con đối với chị T. Bởi, chính bản thân anh Nhớ E xác định và thừa nhận, anh không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, chỉ có 04 công đất tầm 03 mét sử dụng vào việc nuôi tôm, nhưng 04 đến 05 tháng mới thu hoạch một lần được khoảng 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng, trong 04 công đất này thì anh thuê của chị T 02 công với giá mỗi năm 4.000.000 đồng, bắt đầu thuê vào tháng 02/2019 nhưng M trả tiền được một năm bằng 4.000.000 đồng. Đồng thời, bản thân anh Nhớ E thuộc diện hộ nghèo (bút lục số 13 đến 16) nên khi nộp đơn khởi kiện anh có đơn đề nghị xin miễn tạm ứng án phí và đã được Tòa án chấp nhận (bút lục số 19). Như vậy HĐXX có cơ sở khẳng định, anh Nhớ E không đủ điều kiện, khả năng để chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục con.

Đồng thời, cháu Nguyễn Vũ D, sinh ngày 27/5/2013 đến thời điểm này cũng đã hơn 07 tuổi (07 tuổi 11 tháng 13 ngày) cũng đã có ý kiến thể hiện nguyện vọng được tiếp tục sống chung với chị T, không đồng ý sống với anh Nhớ E (bút lục số 53).

Từ những phân tích, đánh giá trên HĐXX nhận định: Hiện cháu Nguyễn Vũ D, sinh ngày 27/5/2013 đang được chị T cho đi học và phát triển bình thường không ảnh hưởng gì đến cuộc sống sinh hoạt của cháu. Xét về khả năng kinh tế giữa anh Nhớ E và chị T để lo cho cuộc sống của con thì chị T có điều kiện hơn. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ, nên không chấp nhận yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của anh Nhớ E.

Xét đề nghị của đại diện viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án và điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Nguyên đơn anh Nguyễn Nhớ E phải chịu **300.000** đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, anh Nguyễn Nhớ E thuộc diện hộ nghèo và có đơn đề nghị miễn án phí nên được xem xét miễn nộp toàn bộ số tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Áp dụng 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Nhớ E đòi thay đổi người trực tiếp nuôi con Nguyễn Vũ D, sinh ngày 27/5/2013 sau khi ly hôn với bị đơn chị Phạm Thị T.

2. Về án phí: Nguyên đơn anh Nguyễn Nhớ E được miễn toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm. Đồng thời, anh Nhớ E không nhận lại tiền tạm ứng án phí, do anh Nhớ E thuộc diện hộ nghèo và có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên trước khi thụ lý được xem xét chấp nhận miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 10/5/2021); đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh KG;
- VKS huyện, tỉnh;
- Các Đ/s;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã P;
- Lưu (HSVA, VPTA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Mỹ Linh